

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 27/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2/ Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020; tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Nguyễn Đình T (tên gọi khác: Út), sinh năm 1987, tại tỉnh Tiền Giang. Nơi cư trú: Số A, ấp B1, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú hiện nay: Ấp F, xã G, thị xã I, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị Sương N, sinh năm 1946; có vợ và 01 con (sinh năm 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại “có mặt”.

- Bị hại:

1. Bà Đỗ Thị Cẩm H, sinh năm 1979 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại (bà Đỗ Thị Cẩm H):

1. Ông Thạch Ngọc T1, sinh năm 1977 (chồng bị hại); hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

2. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1957 (mẹ ruột bị hại); hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Dương.

3. Cháu Thạch Ngọc S, sinh ngày 25/9/2004 (con ruột bị hại); hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Dương.

4. Cháu Thạch Tuấn T2, sinh ngày 03/01/2011 (con ruột bị hại); hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Dương.

Bà N, cháu S, cháu T2 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thạch Ngọc T1, sinh năm 1977; hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 20/10/2019). (có mặt).

5. Bà Thạch Thị H2, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp U, xã V, huyện Q, tỉnh Bình Dương.

Bà H ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1949; hộ khẩu thường trú: Ấp U, xã V, huyện Q, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 25/3/2020) (có mặt).

* *Bị đơn dân sự*: Ông Lê Đình B, sinh năm: 1973; hộ khẩu thường trú: Số X, phường X1, quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 03/8/2019, bị cáo Nguyễn Đình T điều khiển xe ô tô biển số 51C-555.77 đi một mình từ ấp J, xã V, huyện Q, tỉnh Bình Dương về nhà ở ấp F, xã G, thị xã I, tỉnh Bình Dương ng theo tuyến đường ĐT749A hướng từ ngã ba xã V về cầu Cầm Xe. Khi đến đoạn đường thuộc J, xã V, huyện Q, tỉnh Bình Dương do bị cáo T không chú ý quan sát dẫn đến xe ô tô bị sạt vào lề đường bên phải, chạy dưới lề đường bên phải một đoạn khoảng 30m đến 40m, bị cáo T điều khiển xe ô tô chạy lên được đường nhựa nhưng không làm chủ được tay lái dẫn đến lấn sang phần đường bên trái. Cùng lúc này xe mô tô biển số 61H1-194.44 do bà Đỗ Thị Cẩm H, sinh năm: 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bình Dương điều khiển chở theo phía sau bà Thạch Thị H1, sinh năm: 1979; hộ khẩu thường trú: Ấp U, xã V, huyện Q, tỉnh Bình Dương trên đường đi làm về theo hướng ngược chiều với xe ô tô của bị cáo T từ cầu Cầm Xe về ngã ba xã Minh

Thanh thì va chạm với xe ô tô do bị cáo T điều khiển. Lúc này, bị cáo T hoảng loạn nên đánh tay lái sang trái, làm xe ô tô biển số 51C-555.77 quay ngang và đẩy xe mô tô biển số 61H1-194.44 do bà Đỗ Thị Cẩm H điều khiển chở theo Thạch Thị H1 vào lề đường bên trái theo hướng từ ngã ba xã Minh Thạnh về cầu Cẩm Xe. Sau va chạm, hai phương tiện dừng hẳn, xe ô tô do bị cáo T điều khiển nằm trong phần lề đường bên trái hướng từ ngã ba xã Minh Thạnh về cầu Cẩm Xe, nằm song song với mặt đường, đầu xe quay về hướng ngã ba xã Minh Thạnh; xe mô tô biển số 61H1-194.44 nằm dưới gầm ở phần bánh sau bên phải xe ô tô biển số 51C-555.77.

Hậu quả làm bà Đỗ Thị Cẩm H tử vong tại hiện trường do đa chấn thương, chấn thương sọ não, vỡ lún xương sọ, dập não, xuất huyết nội sọ thể hiện tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số: 602/GĐPY ngày 05/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Bà Thạch Thị H1 bị đa chấn thương tay, chân được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương đến ngày 16/8/2019 thì xuất viện với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 51% được thể hiện tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 579/2019/GĐPY ngày 17/12/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bình Dương.

Hư hỏng 01 (một) xe ô tô biển số 51C-555.77, trị giá 34.800.000đồng theo Kết luận định giá tài sản số: 36/KLĐGTS ngày 08/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Dầu Tiếng và 01 (một) xe mô tô biển số 61H1-194.44, trị giá 5.350.000đồng theo Kết luận định giá tài sản số: 01/KLĐGTS ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Dầu Tiếng.

Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, hiện trường còn các dấu vết như sau:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường nhựa, thẳng, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của lái xe không bị che khuất, chiều rộng mặt đường là 07m, có vạch sơn kẻ đường dạng vạch đứt quãng phân hai chiều đường, mỗi chiều đường rộng 03m50cm.

- Xác định điểm mốc và mép đường làm chuẩn:

+ Lấy trụ điện số 31 nằm trong phần đường lề trái (hướng cầu Cẩm Xe đi hướng ngã ba Minh Thạnh) làm điểm mốc chuẩn.

+ Lấy mép đường bên phải (hướng cầu Cẩm Xe đi ngã ba Minh Thạnh) làm lề chuẩn.

Nạn nhân Đỗ Thị Cẩm H số thứ tự 08 chết tại hiện trường được người dân đưa ra để nằm trên ghế bố tư thế nằm ngửa dọc theo lề đường, đầu nạn nhân quay về hướng ngã ba Minh Thạnh, đỉnh đầu nạn nhân cách lề chuẩn là 40cm, gót chân trái cách lề chuẩn là 30cm.

Xe ô tô biển số 51C-555.77 số thứ tự 06 dừng lại dưới phần đường lề trái, đầu xe quay về hướng ngã ba Minh Thạnh, hình chiếu vuông góc của trục sau và trục trước bên trái với mặt đường vào phần đường lề chuẩn là 02m và 02m20cm.

Xe mô tô biển số 61H1-194.44 số thứ tự 07 ngã lật qua phải, nằm dưới gầm xe ô tô biển số 51C-555.77, đầu xe quay về hướng cầu Cẩm Xe, hơi chéch vào phần đường lề chuẩn, hình chiếu vuông góc của trục sau và trục trước với mặt đường vào phần đường lề chuẩn là 03m70cm và 03m20cm.

Xác định vùng va chạm đầu tiên số thứ tự 01 có đường kính 02m, tâm vùng cách phần đường lề chuẩn là 03m30cm, cách trục trước bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77 là 04m60cm và cách trục sau bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77 là 05m80cm.

Từ trục sau xe ô tô biển số 61H1-194.44 đến trục sau bên phải xe ô tô biển số 51C-555.77 là 70cm.

Từ trục trước xe mô tô biển số 61H1-194.44 đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77 là 02m30cm.

Từ đỉnh đầu nạn nhân đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77 là 02m50cm.

Từ gót chân trái nạn nhân đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77 là 03m50cm.

Hiện trường để lại bốn vết sạt: Vết sạt thứ nhất dưới phần đường lề phải, số thứ tự 02 kích thước dài 68m60cm, rộng 30cm, đầu vết sạt cách phần đường lề chuẩn là 09m. Vết sạt thứ hai dưới phần đường lề phải số thứ tự 03, kích thước 64m80cm, rộng 30cm, đầu vết sạt cách lề chuẩn là 07m80cm. Từ đầu vết sạt thứ nhất đến đầu vết sạt thứ hai là 01m40cm. Khoảng cách giữa hai vết sạt là 01m20cm. Vết sạt thứ ba trên mặt đường số thứ tự 04 kéo dài đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77, kích thước 17m, rộng 20cm. Vết sạt thứ tư trên mặt đường số thứ tự 05 kéo dài đến trục sau bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77, kích thước dài 14m20cm, rộng 20cm. Từ đầu vết sạt thứ ba đến đầu vết sạt thứ tư là 03m60cm.

Từ trục sau và trục trước bên trái xe ô tô biển số 51C-555.77 đến trụ điện số 31 số thứ tự 09 để làm chuẩn là 42m50cm và 39m70cm.

Từ trục sau và trục trước xe mô tô biển số 61H1-194.44 đến trụ điện số 31 số thứ tự 09 để làm chuẩn là 43m40cm và 44m70cm.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng tạm giữ: 01(một) xe ô tô biển số: 51C-555.77; 01(một) xe mô tô biển số: 61H1-194.44; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 của bị cáo Nguyễn Đình T.

Kết luận giám định số 267/HPL-PC09 ngày 15/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: khoảng 05ml máu của bị cáo T không tìm thấy thành phần Ethanol (cồn); Khoảng 02ml máu của tử thi Đỗ Thị Cẩm H không tìm thấy thành phần Ethanol (cồn) .

* Thu giữ và xử lý vật chứng:

Đối với xe ô tô biển số 51C-555.77 do Lê Đình B đứng tên chủ sở hữu nên ngày 26/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả xe nêu trên cho ông B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với xe mô tô biển số 61H1-194.44 do bị hại bà Đỗ Thị Cẩm H đứng tên chủ sở hữu nên ngày 10/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả cho ông Thạch Ngọc T1 (ông T1 là chồng bà H) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) Giấy phép lái xe bản chính số: 790183222381, hạng B2, mang tên Nguyễn Đình T, sinh năm: 1987; cư trú tại: Số A, ấp B1, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 09/11/2018. Đây là giấy tờ hợp pháp của bị cáo T nên đề nghị trả lại cho bị cáo T.

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện theo pháp luật của người bị hại bà Đỗ Thị Cẩm H gồm: Chồng ông Thạch Ngọc T1; các con ruột cháu Thạch Ngọc S; cháu Thạch Tuấn T2; cha ruột Đỗ Xuân H2, sinh năm 1948 (chết năm 2015); mẹ ruột Võ Thị N1. Bà Võ Thị N1, cháu Thạch Ngọc S, cháu Thạch Tuấn T2 đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Thạch Ngọc T1. Bị cáo Nguyễn Đình T và bị đơn dân sự (ông B) đã liên đới bồi thường chi phí mai táng, bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại bà H số tiền 350.000.000 đồng; bồi thường chi phí điều trị cho bà Thạch Thị H1 số tiền 110.000.000 đồng. Ông T1, bà H1 đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ của bị cáo T và bị đơn dân sự ông B nên ông T1, bà H2 không có yêu cầu gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Tại phiên tòa, ông T1 là người đại diện của bị hại bà H và là người đại diện theo ủy quyền của bị hại cháu S, cháu T2, bà N1

cũng không yêu cầu bị cáo T phải cấp dưỡng hàng tháng cho bà N1, cháu S, cháu T2 theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà C là người đại diện theo ủy quyền của bị hại bà H1 cũng không yêu cầu bị cáo T và bị đơn dân sự (ông B) bồi thường, hỗ trợ gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T1, bà C nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị đơn dân sự (ông B) không có ý kiến gì về việc ông cùng bị cáo T liên đới hỗ trợ, bồi thường cho hai gia đình bị hại tổng số tiền 460.000.000 đồng. Đồng thời, ông B cũng không yêu cầu bị cáo T bồi thường trị giá xe ô tô biển số 51C-555.77 bị hư hỏng đối với số tiền 34.800.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSĐT-HS ngày 12/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng đến 60 (sáu mươi) tháng.

*** Về vật chứng:**

- Đối với 01 (một) xe ô tô biển số: 51C-555.77, số khung GYG133161234, Số máy 8MKOE614083; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 6554167; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 054843. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Lê Đình B (ông B là chủ sở hữu) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trao trả cho ông B theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26 tháng 11 năm 2019 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 61H1-194.44, nhãn hiệu: HONDA, số loại AIR BLADE, dung tích 124, màu sơn Đỏ-Đen-Trắng, số máy: F6E4-4188924, số khung: 4602DY877. Xét đây là tài sản hợp pháp của bị hại bà Đỗ Thị Cẩm H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe ô tô nêu trên cho ông Thạch Ngọc T1 (ông Tính là chồng bà H) theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10 tháng 01 năm 2020 là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe bản chính số 790183222381, hạng B2 mang tên Nguyễn Đình T, sinh năm 1987; cư trú tại: Số A, ấp B1, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 09/11/2018. Đây là giấy tờ hợp pháp của bị cáo T nên đề nghị trả lại cho bị cáo T.

* Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện tự cải tạo, sửa chữa sai lầm của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận, khoảng 17 giờ 15 phút, ngày 03/8/2019, bị cáo T điều khiển xe ô tô số: 51C-555.77 đi một mình trên tuyến đường ĐT 749A thuộc ấp J, xã V, huyện Q, tỉnh Bình Dương va chạm với mô tô biển số 61H1-194.44 do bà Đỗ Thị Cẩm H điều khiển và chở theo bà Thạch Thị H1 (ngồi phía sau xe). Hậu quả làm bà Đỗ Thị Cẩm H (chết tại chỗ), bà Thạch Thị H1 bị thương tích nặng tỷ lệ tổn thương cơ thể gây nên là 51%.

Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 06/CT-VKSDT-HS ngày 12/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, trên đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường nhựa, thẳng, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của bị cáo T khi điều khiển xe ô tô biển số: 51C-555.77 không bị che khuất, chiều rộng mặt đường là 07m, có vạch

son kẻ đường vạch đứt quãng phân hai chiều đường mỗi chiều 03m50cm. Tuy nhiên, khi điều khiển xe bị cáo T không tập trung quan sát, bất cẩn nên để xe lấn sang phần đường bên trái ngược chiều hướng xe bị hại bà H đang lưu thông. Hậu quả làm xe bị cáo va chạm với xe mô tô biển số 61H1 -194.44 do bị hại bà H điều khiển. Hậu quả của hành vi đó đã gây ra cái chết cho bị hại bà Đỗ Thị Cẩm H và gây thương tích cho bà Thạch Thị H1 với tỷ lệ tổn thương cơ thể gây nên là 51%. Do đó, hành vi của bị cáo T đã vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Giao thông đường bộ. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bất cẩn, không quan sát khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nên đã phạm tội với lỗi vô ý.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về xâm phạm trật tự công cộng nên cần xử lý bị cáo T mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo T đã gây ra nhằm ổn định trật tự công cộng, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T cùng bị đơn dân sự (ông B) là chủ sở hữu xe ô tô biển số 51C-555.77 đã chủ động và tự nguyện bồi thường chi phí mai táng và hỗ trợ tiền tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại bà H số tiền 350.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại bà H1 số tiền 110.000.000 đồng. Quá trình, điều tra, truy tố đại diện hợp pháp của bị hại bà H là ông T, bà N1, bị hại bà H1 có đơn xin bãi nại đối với bị cáo T. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại bà H là ông T1, ông T1 cũng là người đại diện theo ủy quyền của cháu S, cháu T2, bà N1 cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Ngoài ra, bị cáo T có bà nội ruột được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, có 03 chú ruột là liệt sĩ, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng đối với bị cáo T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo T có khả năng tự cải tạo nên việc cách ly bị cáo T ra ngoài xã hội là không cần thiết. Xét thấy, bị cáo T có đủ các điều kiện được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về án treo nên cho bị cáo T hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe ô tô biển số: 51C-555.77, số khung GYG133161234, Số máy 8MKOE614083; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số 6554167; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 054843. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Lê Đình B (ông B là chủ sở hữu) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trao trả cho ông B theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 26 tháng 11 năm 2019 là phù hợp nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 61H1-194.44, nhãn hiệu: HONDA, số loại AIR BLADE, dung tích 124, màu sơn Đỏ-Đen-Trắng, số máy: F6E4-4188924, số khung: 4602DY877. Xét đây là tài sản hợp pháp của bị hại bà Đỗ Thị Cẩm H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe mô tô nêu trên cho ông Thạch Ngọc T1 (ông Tính là chồng bà H) theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10 tháng 01 năm 2020 là phù hợp nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 (một) giấy phép lái xe bản chính số 790183222381, hạng B2 mang tên Nguyễn Đình T, sinh năm 1987; cư trú tại: Số A, ấp B1, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 09/11/2018. Xét thấy, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T nên trả lại cho bị cáo T.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập xử lý.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 3 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2020).

Giao bị cáo Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân xã G, thị xã I, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Đình T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Trả cho bị cáo Nguyễn Đình T 01 (một) giấy phép lái xe bản chính số 790183222381, hạng B2 mang tên Nguyễn Đình T, sinh năm 1987; cư trú tại: Số A, ấp B1, xã D, huyện E, Thành phố Hồ Chí Minh, cấp ngày 09/11/2018 (vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bình Dương đang quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/02/2020).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, bị đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 27/3/2020).

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Ti
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. D;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND xã G, thị xã I, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty

